

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 37/2026/HC-PT

Ngày 20/01/2026

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký - Tòa thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh H, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 171/2025/TLPT-HC ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2025/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 431/2026/QĐ-HC ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Văn G, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình (trước đây là thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tiến D, bà Lưu Thanh U - Là luật sư Văn phòng luật sư Ngô Ngọc Thủy - Đoàn sư thành phố H; địa chỉ: số A ngõ G T, phường T, thành phố Hà Nội (trước đây là số A ngõ G T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội); có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, tỉnh Ninh Bình (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện N, tỉnh Nam Định); *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn D1 - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã N, tỉnh Ninh Bình (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Văn D1 - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: A, thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình (trước đây là thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); vắng mặt

3. Bà Trần Thị O, sinh năm 1939; địa chỉ: thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình (trước đây là thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); vắng mặt

4. Ông Trần Văn V, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình (trước đây là thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); vắng mặt

5. Bà Trần Thị D2, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn B, xã N tỉnh Ninh Bình (trước đây là thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); vắng mặt

6. Ông Trần Văn D3, sinh năm 1979; địa chỉ: số A Y, phường S, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là số A Y, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt

7. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1971; địa chỉ: A, thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm A, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); vắng mặt

8. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1962; địa chỉ: xóm A, thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm A, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định); có mặt.

9. Ông Trần Văn H3, sinh năm 1969; địa chỉ: xóm D, thôn A, phường C B, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là xóm D, thôn A, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng); vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại các đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:*

Năm 1989, ông Trần Văn G được bố đẻ là cụ Trần Văn Q tặng cho 275.1m² diện tích đất từ thửa đất số 101 tờ bản đồ số 9 đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) ngày 20/3/1992 (chưa làm thủ tục nhận tặng cho và tách sổ). Ngay sau khi nhận tặng cho, ông đã xây tường rào xung quanh thửa đất và tiến hành xây dựng các công trình nhà ở 100% diện tích thửa đất 275.1m² để ở. Ông sinh sống ổn định, không tranh chấp với các chủ sử dụng đất liền kề, không bị UBND xã N nhắc nhở hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hủy hoại đất.

- Thực hiện Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 28/4/2011 của UBND huyện N. Ngày 28/4/2011 Ban Giải phóng mặt bằng huyện đã thu hồi diện tích 12.1m² đất ở của ông để thực hiện dự án cải tạo nâng cấp đường D (việc thu hồi đất trên đã được cập nhật trên GCN ngày 05/8/2015). Diện tích thửa đất còn lại sau khi thu hồi là 263m².

- Ngày 01/12/2021, ông nhận được Quyết định số 2589/QĐ-UBND đề ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh N về việc phê duyệt điều chỉnh dự án xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (có Quyết định số 2589/QĐ-UBND đề ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh N kèm theo).

- Ngày 13/9/2022, ông nhận được Thông báo thu hồi đất số 920/TB-UBND của UBND huyện N đề ngày 13/9/2022 về việc dự kiến thu hồi diện tích 145m² đất thuộc thửa đất số 101 nêu trên. Diện tích thửa đất còn lại sau khi thu hồi là 118m².

- Ngày 13/6/2023, ông nhận được bản Công khai phương án bồi thường, hỗ trợ phục vụ công tác GPMB thực hiện dự án xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với cao tốc Cầu G - Ninh Bình (Giai đoạn II) đối với việc thu hồi đất, tài sản trên đất của thửa đất số 101 nêu trên, trong đó 28 m² đất ở bồi thường với giá 22.000./m²; Đối với 117 m² là diện tích đất vườn, ao được bồi thường với giá 75.000đ/m² và được hỗ trợ thêm 13.200.000đ/m² cho diện tích đất vườn, ao.

- Ngày 27/12/2023, ông Đ kiến nghị gửi Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án Đường trục (GĐ II), UBND huyện N đề nghị xem xét, giải quyết: (1) Hỗ trợ bồi thường diện tích đất thu hồi 117m² đất ở đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ với đơn giá 22.000.000 đồng/m² trừ đi số tiền phải nộp để thực hiện các nghĩa vụ tài chính, thuế theo quy định của pháp luật; (2) Cấp GCNQSDĐ đối với 118m² đất còn lại sau khi thu hồi là đất ở nông thôn (bao gồm 63m² đất ao vườn đủ điều kiện chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, khoản 5 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và 55m² đủ điều kiện công nhận đất ở). Ngày 11/3/2024, ông nhận được Văn bản trả lời kiến nghị số 275/UBND-TNMT đề ngày 11/3/2024 của UBND huyện N.

- Ngày 29/3/2024, ông nhận được Quyết định số 1671/QĐ-UBND đề ngày 28/3/2024 của UBND huyện N thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần Văn Q (người đang sử dụng đất là ông Trần Văn G) tại xóm A, xã N để GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (giai đoạn II) trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (có Quyết định số 1671/QĐ-UBND đề ngày 28/3/2024 của UBND huyện N kèm theo). Cùng ngày, ông nhận được Quyết định số 1712/QĐ-UBND đề ngày 28/3/2024 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (Đ) đối với thửa đất của ông, cụ thể như sau: 28m² đất ở bồi thường với giá 22.000.000đ/m² và 3.3m² đất trồng cây lâu năm, 113.7m² đất nuôi trồng thủy sản bồi thường với giá 75./m² và hỗ trợ 13.200./m².

- Ngày 19/7/2024, ông làm Văn bản trình bày ý kiến gửi UBND huyện, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện N về việc chưa thống nhất phương án bồi thường, hỗ trợ về nguồn gốc đất, loại đất bồi thường, hỗ trợ (có biên nhận thông tin, tài liệu kèm theo).

- Ngày 08/8/2024, ông được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện N chi trả tổng số tiền 3.117.255.000 đồng theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết

định số 1712/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 và Quyết định điều chỉnh, bổ sung số 2836/QĐ-UBND ngày 11/6/2024.

Ông nhận thấy việc bồi thường như vậy là chưa hợp lý:

- Thứ nhất: Thửa đất có diện tích 263m² trong đó có 145m² thuộc diện thu hồi theo Thông báo thu hồi đất có nguồn gốc do ông nhận tặng cho từ một phần thửa đất của bố đẻ Trần Văn Q. Hiện tại, ông chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ và không tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện về đất đai, đã sử dụng, ăn ở ổn định (theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP) không bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại đất theo quy định của pháp luật (hiện tại đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính). Nên ông đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ đối với 200m²/263m² đất ở (ONT) theo quy định tại theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 99, điểm g Khoản 1 Điều 100, điểm a khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai 2013; Điểm b, Khoản 3, Đ1 a khoản 5 Điều 22, điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; điểm b khoản 1 Điều 4 Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND và 63m²/263m² đất trồng cây lâu năm (CLN) theo quy định tại khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai 2013.

- Thứ hai: Căn cứ: (i) khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai 2013 và (ii) Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP thì ông đủ điều kiện được bồi thường 145m² đất thu hồi theo diện đất ở vì thửa đất trên thuộc diện đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật do ông nhận tặng cho và ăn ở ổn định từ năm 1989.

- Thứ ba: Văn bản trả lời đơn kiến nghị số 275/UBND-TNMT đề ngày 11/3/2024 của UBND huyện N là sai quy định của pháp luật vì UBND huyện N xác định trong 145m² gồm 28m² đất ở, 3.3m² đất trồng cây lâu năm, 113.7m² đất nuôi trồng thủy sản là hoàn toàn không có căn cứ, không phù hợp hiện trạng sử dụng đất và vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP. UBND huyện N xác định sau khi thực hiện công tác GPMB dự án thì sẽ căn cứ và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành để xem xét, giải quyết đề nghị của ông là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT. Diện tích đất còn lại của ông đủ điều kiện cấp GCNQSD do đó UBND huyện N phải thực hiện đồng thời.

- Thứ tư: Tại Phương án bồi thường, hỗ trợ phục vụ giải phóng mặt bằng kèm theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND đề ngày 28/3/2024 của UBND huyện N xác định thửa đất của ông được bồi thường 28m² đất ở với giá 22.000.000đ/m² và 3.3m² đất trồng cây lâu năm, 113.7m² đất nuôi trồng thủy sản bồi thường với giá 75./m², hỗ trợ 13.200./m² là sai quy định của pháp luật vì toàn bộ diện tích 145m² nêu trên của ông thuộc đối tượng đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ vì vậy đủ điều kiện để UBND huyện N phải bồi thường đối với toàn bộ diện tích thu hồi 145m² là đất ở với giá 22.000.000đ/m².

* Vì các lý do trên, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Tuyên hủy bỏ một phần Quyết định số 1712/QĐ-UBND đề ngày 28/3/2024 về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 9 của ông, cụ thể là hủy bỏ nội dung sau:

Diện tích được bồi thường, hỗ trợ: 28m² đất ở, 3.3m² đất trồng cây lâu năm, 113.7m² đất nuôi trồng thủy sản.

+ Tổng giá trị bồi thường 28m² đất ở với đơn giá 22.000./m² là 616.000..

+ Tổng giá trị bồi thường 3.3m² đất trồng cây lâu năm với đơn giá 75./m² và hỗ trợ 13.200./m² là 43.807..

+ Tổng giá trị bồi thường 113.7m² đất nuôi trồng thủy sản với đơn giá 75./m² và hỗ trợ 13.200./m² là 1.509.367..

- Buộc UBND huyện N phải bồi thường diện tích 145m² đất thu hồi theo Quyết định số 1671/QĐ-UBND với mức bồi thường là đất ở (mức bồi thường là 22.000./m²).

- Buộc UBND huyện N cấp GCN QSDĐ đối với 118m² đất còn lại sau khi thu hồi là đất ở nông thôn (bao gồm 63m² đất ao vườn đủ điều kiện chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, khoản 5 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và 55m² đủ điều kiện công nhận đất ở).

II. Tại Văn bản số 1769/UBND-TNMT ngày 04/11/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện N trình bày:

1. Nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng đất: Diện tích đất đang sử dụng của ông Trần Văn G có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất số 101, tờ bản đồ số 9 (bản đồ địa chính xã N lập năm 1986, chỉnh lý cấp GCN năm 1992), chủ sử dụng là hộ cụ Trần Văn Q (chồng cụ Trần Thị O), được cấp GCNQSDĐ từ năm 1992 với tổng diện tích 1580m², trong đó: Đất ở (ONT) 360m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 390m²; đất nuôi trồng thủy sản 630m²; đất trồng lúa () 200m².

- Quá trình sử dụng, hộ cụ Trần Văn Q chia tách thành 6 thửa đất:

+ Năm 2007 chuyển nhượng cho hộ ông Trần Văn V diện tích 524m², gồm: Đất ở (ONT) 130m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 130m²; đất nuôi trồng thủy sản 264m².

+ Năm 2007 chuyển nhượng cho hộ ông Nguyễn Văn V1 diện tích 133m², gồm: Đất ở (ONT) 80m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 53m².

+ Sau khi chuyển nhượng thửa đất còn lại 923m² (trong đó: Đất ở (ONT) 150m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 207m²; đất nuôi trồng thủy sản 366m²; đất trồng lúa (LUC) 200m². Diện tích này đã chia cho các con là ông Trần Văn H2; ông Trần Văn H1; ông Trần Văn G và ông Trần Văn H3 nhưng chưa làm thủ tục.

Năm 2011, khi thực hiện GPMB dự án cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 490C, nước thu hồi và bồi thường 45,3m² đất, trong đó thu hồi đất của hộ ông Trần Văn H3 10,6m² đất trồng cây lâu năm; của ông Trần Văn G 12,1m² đất ở; của ông Trần Văn H2 8m²

đất ở và của ông Trần Văn H1 14,6m² đất ở. Như vậy, sau khi GPMB năm 2011, diện tích cấp GCN của thửa đất số 101, tờ bản đồ số 9 còn lại là 877,7m² (đất ở 115,3m²; đất trồng cây lâu năm 196,4m²; đất ao 366m²; đất trồng lúa 200m²).

- Năm 2022, khi thực hiện đo đạc GPMB thực hiện dự án xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với cao tốc G1 - N (giai đoạn 2), hiện trạng sử dụng đất ở của 4 hộ đang sử dụng là 722,8m², tăng 572,8m². Loại đất ở tăng thêm 572,8m² này, do hộ gia đình, cá nhân tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, như vậy không đủ điều kiện công nhận là đất ở.

- Gia đình ông Trần Văn Q đã thống nhất lập văn bản phân chia di sản thừa kế cho các con; trong đó ông Trần Văn G được sử dụng diện tích 252,6m², gồm: Đất ở 28m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 3,3m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 171,3m²; đất trồng lúa () 50m², tại thửa số 101, tờ số 9, bản đồ địa chính xã N lập năm 1991.

2. Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Tại Điều 74, Điều 75 Luật đai 2013; căn cứ vào GCNQSDĐ đã cấp, diễn biến quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất của các hộ và kết quả phân loại nguồn gốc sử dụng đất, thì tổng diện tích được bồi thường, hỗ trợ khi nước thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn G đang sử dụng tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 9 là 145 m² đã được cấp GCN, gồm: đất ở 28m²; đất trồng cây lâu năm 3,3m²; đất nuôi trồng thủy sản 113,7m².

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện đã căn cứ các quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định; Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của U1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND; Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh N về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định; Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi là thủy sản phục vụ công tác GPMB khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định; Văn bản số 92/UBND-VP5 ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh N v/v hỗ trợ khác trong công tác GPMB dự án xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với cao tốc Cầu G - Ninh Bình (GĐ II), đoạn qua huyện N;

Căn cứ Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh N về việc phê duyệt giá đất cụ thể phục vụ việc bồi thường, hỗ trợ để GPMB thực hiện dự án: Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (giai đoạn II) trên địa bàn huyện N; Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND huyện N về việc phê duyệt đơn giá cọc, mái thái phục vụ công tác GPMB đường trục phát triển giai đoạn II trên địa bàn huyện N;

Thông báo thu hồi đất số 920/TB-UBND ngày 13/9/2022 của UBND huyện thông báo thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần Văn Q (người đang sử dụng đất là ông (bà) Trần Văn G).

Ngày 28/3/2024, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1712/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (Đ) để GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (giai đoạn 2) trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Đồng thời UBND huyện ban hành Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần Văn Q (Người đang sử dụng đất là ông (bà) Trần Văn G) tại xóm A, xã N để GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (giai đoạn II) trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Ngày 11/6/2024, UBND huyện ban hành Quyết định số 2836/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (Đ) để GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (giai đoạn 2) trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Ngày 06/8/2024, hộ ông Trần Văn G đã nhất trí ký phương án bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 28/3/2024; Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 11/6/2024.

- Ngày 08/8/2024, hộ ông Trần Văn G đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 28/3/2024; Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 11/6/2024.

Các nội dung ông Trần Văn G khiếu kiện liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (giai đoạn 2) trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đã được UBND huyện trả lời tại Văn bản số 275/UBND-TNMT ngày 11/3/2024 về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Trần Văn G, công dân xã N. Nay UBND huyện giữ nguyên quan điểm tại Văn bản số 275/UBND-TNMT ngày 11/3/2024.

III. Tại Văn bản số 04/UBND-TNMT ngày 24/02/2025 và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, người đại diện theo ủy quyền của UBND xã N trình bày: Về nguồn gốc thửa đất thì phía UBND xã N trình bày giống với UBND huyện N đã trình bày.

Về quá trình vận động hộ ông Trần Văn G thực hiện Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, ký phương án và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Căn cứ hồ sơ cấp GCN, diễn biến quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất của các hộ và kết quả phân loại nguồn gốc sử dụng đất, thì tổng diện tích được bồi thường hỗ trợ khi nước thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn G đang sử dụng tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 9 là 145m², gồm: Đất ở 28m²; đất trồng cây lâu năm 3,3m²; đất nuôi trồng thủy sản 113,7m².

Sau khi có Thông báo thu hồi đất số 920/TB-UBND ngày 13/9/2022 của UBND huyện thông báo thu hồi đất của hộ ông Trần Văn Q (người đang sử dụng đất là ông Trần Văn G); UBND xã N đã cử công chức chuyên môn phối kết hợp cùng các phòng ban chuyên môn của huyện thực hiện công tác kiểm đếm tài sản trên đất của hộ ông Trần Văn G và đã lập biên bản kiểm đếm, hộ ông Trần Văn G đã nhất trí ký nhận.

Ngày 28/3/2024, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1712/-UBND việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (Đ) để GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (giai đoạn 2) trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Đồng thời UBND huyện ban hành Quyết định số 1670/-UBND ngày 28/3/2024 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần Q (Người đang sử dụng đất là ông (bà) Trần Văn Giang) tại xóm A, xã N để GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (giai đoạn II) trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Ngày 29/3/2024 UBND xã N đã tiến hành bàn giao Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt án bồi thường, hỗ trợ theo hộ ông Trần Văn G. Sau đó UBND xã cùng phối kết hợp với Hội bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện đã nhiều lần tiến hành vận động, thuyết phục hộ ông Trần Văn G chấp hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Ngày 11/6/2024 UBND huyện ban hành Quyết định số 2836/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, trợ (Đgt11) để GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (giai đoạn 2) trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Ngày 6/8/2024, hộ Trần Văn G đã nhất trí ký phương án bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được UBND huyện phê duyệt tại định số 1712/QĐ-UBND ngày 28/3/2024.

- Ngày 08/8/2024, hộ ông Trần Văn G đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1712/ ngày 28/3/2024.

Các nội dung ông Trần Văn G khiếu kiện liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (giai 2) trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đã được UBND huyện trả lời tại Văn bản số 271/UBND-TNMT ngày 11/3/2024 về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Trần Văn G, công dân xã N. UBND xã N đồng tình với quan điểm trả lời tại Văn bản số 274/UBND-TNMT ngày 11/3/2024 và Văn bản số 436/UBND-TNMT ngày 05/4/2024 của UBND huyện N.

IV. trình tham gia tố tụng tại tòa án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

- Bà Nguyễn Thị N: Nhất trí với quan điểm của ông Trần Văn G và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G.

- Bà Nguyễn Thị O1, ông Trần Văn H2, ông Trần Văn H3, ông Trần Văn D3, ông Trần Văn V, bà Trần Thị D2, ông Trần Văn H1 đều thống nhất trình bày là xin từ chối thừa kế tài sản của ông Trần Văn Q liên quan đến phần đất mà ông Trần Văn G đang quản lý, sử dụng. Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn G và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn G.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2025/HC-ST ngày 23/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình) đã quyết định: Căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 351 Luật tụng hành chính; Điều 12; Điều 62; Điều 66; Điều 69; Điều 74, 75 Luật đại 2013; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn G đối với các yêu cầu sau:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn G về việc yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 1712/QĐ-UBND đề ngày 28/3/2024 về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 9 của ông, cụ thể là hủy bỏ nội dung sau:

Diện tích được bồi thường, hỗ trợ: 28m² đất ở và 3.3m² đất trồng cây lâu năm; 113.7m² đất nuôi trồng thủy sản.

+ Tổng giá trị bồi thường 28m² đất ở với đơn giá 22.000./m² là 616.000..

+ Tổng giá trị bồi thường 3.3m² đất trồng cây lâu năm với đơn giá 75./m² và hỗ trợ 13.200./m² là 43.807..

+ Tổng giá trị bồi thường 113.7m² đất nuôi trồng thủy sản với đơn giá 75./m² và hỗ trợ 13.200./m² là 1.509.367..

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn G về việc buộc UBND huyện N phải bồi thường toàn bộ 145m² diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 1671/QĐ-UBND với mức bồi thường theo đơn giá của đất ở (giá bồi thường là 22.000./m²).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/5/2025, người khởi kiện ông Trần Văn G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất: giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị xem xét đất gia đình sử dụng ổn định, xây nhà kiên cố nên được xác định là đất ở và được bồi thường theo giá đất ở.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ có ý kiến thể hiện: Tòa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn G là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn G, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án: Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ngày 03/4/2024 ông Trần Văn G khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ một phần Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện N về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 09 và buộc UBND huyện phải bồi thường diện tích 145m² đất đã thu hồi theo giá đất ở là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

Trong hồ sơ thể hiện, ông Trần Văn G chưa làm thủ tục gì liên quan đến đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với 118m² đất còn lại sau khi giải phóng mặt bằng (GPMB). Do vậy quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông đối với 118m² đất còn lại sau khi GPMB chưa bị ảnh hưởng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính xác định yêu cầu buộc UBND huyện N phải cấp GCNQSDĐ đối

với 118m² đất còn lại là đất ở của hộ ông Trần Văn G không phải đối tượng khởi kiện và không xem xét giải quyết trong vụ án này là có căn cứ.

[1.2] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy những nội dung kháng cáo của người khởi kiện đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, cụ thể:

[2.1] Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện N về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 09 liên quan đến phần bồi thường giá đất được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, 69 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2]. Về nguồn gốc đất: Theo Bản đồ địa chính xã N năm 1991, sổ mục kê và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện thửa đất số 101, tờ bản đồ số 9 đứng tên chủ sử dụng đất là ông Trần Văn Q có tổng diện tích là 1580m² (Trong đó: đất ở là 360m²; đất nuôi trồng thủy sản là 630m²; đất trồng lúa là 200m²; đất trồng cây lâu năm là 390m²).

Quá trình sử dụng đất thể hiện: Năm 2007, ông Q đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn V 524m² đất (Trong đó: đất ở 130m², đất trồng cây lâu năm 130m², đất nuôi trồng thủy sản 264m²); chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn V1 133m². (Trong đó có 80m² đất ở; 53m² đất cây lâu năm). Vậy tổng số diện tích đất ông Q còn lại sau hai lần chuyển nhượng là 923m². (Trong đó có 150m² đất ở; 207m² đất trồng cây lâu năm; 366m² đất nuôi trồng thủy sản và 200m² đất trồng lúa). Toàn bộ diện tích còn lại này được chia cho các con của ông Q gồm: ông Trần Văn H2, ông Trần Văn H1, ông Trần Văn G và ông Trần Văn H3 nhưng chưa làm thủ tục sang tên, tách thửa.

Năm 2011, khi thực hiện GPMB dự án cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 490C, nước thu hồi và bồi thường 45,3 m² đất, trong đó thu hồi đất của hộ ông Trần Văn H3 10,6 m² đất trồng cây lâu năm; của ông Trần Văn G 12,1 m² đất ở; của ông Trần Văn H2 8 m² đất ở và của ông Trần Văn H1 14,6 m² đất ở. Như vậy, sau khi GPMB năm 2011, diện tích cấp GCNQSDĐ của thửa đất số 101, tờ bản đồ số 9 còn lại là 877,7

m². (Cụ thể: đất ở 115,3m²; đất trồng cây lâu năm 196,4m²; đất ao 366m²; đất trồng lúa 200m²).

Mặt khác, diện tích đất ông Trần Văn G sử dụng là 252,6 m² (trong đó có 28m² đất ở; đất trồng cây lâu năm (CLN) 3,3m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 171,3m²; đất trồng lúa () 50 m² tại thửa số 101, tờ số 9, bản đồ địa chính xã N lập năm 1991; ông Trần Văn H2 sử dụng theo Giấy chứng nhận là 116,3m² diện tích đất (trong đó có 28m² đất ở; 38,3m² đất trồng cây lâu năm; 50m² đất trồng lúa tại thửa số 101 tờ bản đồ số 9; của ông Trần Văn H3 là 272,7 m², gồm: Đất ở 28 m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 194,7 m²; đất trồng lúa () 50 m², tại thửa số 101, tờ số 9, bản đồ địa chính xã N lập năm 1991; của ông Trần Văn H1 là 236,1 m², gồm: Đất ở 31,3 m²; đất vườn (CLN) 154,8 m²; đất trồng lúa () 50 m², tại thửa số 101, tờ số 9, bản đồ địa chính xã N lập năm 1991. Như vậy cộng tổng số diện tích đất ở của cả 4 ông đang sử dụng theo GCN là 115,3m²; đất CLN là 96,4m²; đất trồng lúa nước là 200m²; đất ao (NTS) là: 366m² là đúng với diện tích đất còn lại của ông Trần Văn Q sau khi thu hồi đất năm 2011. Sau khi thu hồi đất vào năm 2011 thì diện tích đất ông Trần Văn G được hưởng 252,6 m², gồm: Đất ở 28 m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 3,3 m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 171,3 m²; đất trồng lúa (LUC) 50 m², tại thửa số 101, tờ số 9, bản đồ địa chính xã N lập năm 1991. Ông G xác nhận sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp cho đến nay.

Đến năm 2022, khi thực hiện đo đạc GPMB thực hiện dự án xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với cao tốc G1 - Ninh Bình (giai đoạn 2), hiện trạng sử dụng đất ở của 4 hộ đang sử dụng là 722,8m², tăng 572,8m². Loại đất ở tăng thêm 572,8m² này so với 150m² đất ở sau khi chuyển nhượng là do hộ gia đình, cá nhân tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, như vậy không đủ điều kiện công nhận là đất ở khi tiến hành thu hồi đất.

Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn G thừa nhận nguồn gốc thửa đất của gia đình ông đang sử dụng là được hưởng thừa kế từ bố mẹ đẻ của ông là cụ Trần Văn Q và cụ Trần Thị O; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là các con ruột của cụ Q và cụ O cũng trình bày trong bản tự khai là từ chối phần di sản thừa kế của bố mẹ liên quan đến phần đất mà ông Trần Văn G đang sử dụng. Ông Trần Văn G cũng đã sử dụng đất, xây dựng các công trình trên đất từ năm 1989 đến nay, bản thân ông xác nhận không có tranh chấp gì giữa các anh em. Tại mục thay đổi sau khi cấp GCNQSDĐ của cụ Trần Văn Q thể hiện cụ Q đã phân chia thừa kế cho ông Trần Văn G nhưng chưa làm thủ tục. Như vậy, trên thực tế gia đình ông Trần Văn G đã có sự phân chia, tặng cho đất từ bố mẹ cho các con; ông cũng đã sử dụng từ năm 1989 đến nay không có tranh chấp. Ngày 09/09/2011 Ban Giải phóng mặt bằng huyện đã thu hồi diện tích 8m² đất ở của ông G để thực hiện dự án cải tạo nâng cấp đường 490C thì trong gia đình cũng không xảy ra tranh chấp.

Như vậy căn cứ theo nguồn gốc của thửa đất, quá trình biến động của thửa đất thấy có đủ căn cứ xác định thửa đất số 101 tờ bản đồ số 9 của ông Trần Văn Q có 360m² đất thổ cư. Sau quá trình biến động do chuyển nhượng và thu hồi đất để làm đường thì còn 115,3m² đất ở và được chia đều cho các con của ông Q. Trong đó ông Trần Văn G được 252,6 m² đất. (Trong đó đất ở 28 m²; đất trồng cây lâu năm (CLN) 3,3 m²; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 171,3 m²; đất trồng lúa (LUC) 50 m²).

Vì vậy việc UBND huyện N ban hành Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 về việc thu hồi đất của hộ ông Trần Văn Q (Người đang sử dụng đất là ông Trần Văn G) tại xóm A, xã N để GPMB thực hiện dự án xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường C - Ninh Bình (Giai đoạn II) trên địa bàn xã N, huyện N, tỉnh Nam Định và Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 về phương án bồi thường (trong đó có mục bồi thường theo từng loại giá đất đối với hộ ông Trần Văn G) là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu của ông Trần Văn G buộc UBND huyện N phải bồi thường 145m² lấy làm đường theo giá đất ở. HĐXX thấy: Như đã phân tích ở trên, tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND huyện N ban hành đã nêu diện tích đất bị thu hồi là 145m² gồm: đất ở 28m²; đất trồng cây lâu năm 3,3m²; đất nuôi trồng thủy sản 113,7m² và Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND về phương án bồi thường trong đó có mục mức giá bồi thường 145m² đất của hộ ông Trần Văn G tương ứng với giá của từng loại đất là đúng nên không có căn cứ xác định đối với diện tích 145m² đất bị Nhà nước thu hồi để làm đường là đất ở.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Trần Văn G là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm người khởi kiện không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Từ đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn G

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận, ông Trần Văn G phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên do ông Trần Văn G là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn G; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm 03/2025/HC-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình).

2. Về án phí phúc thẩm: ông Trần Văn G được miễn án phí hành chính phúc

thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Đình Lực